

KẾ HOẠCH

Trồng cây xanh giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 2616/KH-BNN-TCLN ngày 07/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Kế hoạch triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”.

Nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương “Trồng một tỷ cây xanh trong giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ phát động tại Kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội khóa XIV và Nghị quyết số 178/NQ-CP ngày 12/12/2020 của Chính phủ. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY XANH NĂM 2021

I. Kết quả thực hiện Kế hoạch số 76/KH-UBND và Kế hoạch số 77/KH-UBND, của UBND tỉnh.

Năm 2021, trên địa bàn toàn tỉnh đã thực hiện trồng được 876.850 cây xanh các loại, đạt tỷ lệ 87,7% so với mục tiêu Kế hoạch đặt ra. Tỷ lệ cây sống sau khi trồng đạt 92,8%, trong đó:

- Trồng cây 19/5 tại Lễ trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ và phát động trồng cây xanh năm 2021 là 6.760 cây.

- Cây xanh trồng phân tán là 760.865 cây (gồm: các Sở, ngành và các Công ty Cao su là 246.180 cây; các huyện, thị xã, thành phố là 514.685 cây).

- Trồng rừng tập trung: Trồng mới rừng tập trung trên địa bàn tỉnh là 196,17 ha, tương ứng với 109.225 cây (gồm: Dự án trồng rừng sản xuất tại Khu di tích lịch sử văn hóa Bộ Chỉ huy Miền Tả Thiết, tổng diện tích thiết kế 111,28 ha, diện tích thực trồng 107,05 ha tương đương 53.525 cây; Dự án trồng rừng phòng hộ khu



vực lòng hồ Cần Đơn, tổng diện tích thiết kế được phê duyệt và đã thực hiện trồng là 89,12 ha tương đương 55.700 cây).

II. Đánh giá kết quả đạt được.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương; sự phối hợp ra quân trồng cây xanh của các ngành chức năng, các cấp chính quyền cơ sở và các đoàn thể cùng tham gia, nên công tác trồng cây xanh năm 2021 trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, như:

- Công tác tuyên truyền đến mọi người dân cùng tham gia trồng cây xanh nhằm góp phần bảo vệ các công trình hạ tầng cơ sở, bảo vệ đất đai và môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

- Việc thành lập Ban Chỉ đạo trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025, cấp tỉnh, cấp huyện cũng đã thể hiện sự quyết tâm trong công tác trồng cây xanh hàng năm và cả giai đoạn trên địa bàn tỉnh.

III. Những tồn tại và nguyên nhân.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thì vẫn còn những hạn chế, tồn tại nhất định, như: trồng rừng tập trung không đạt so với kế hoạch đề ra; số lượng cây đã giao nhận nhưng chưa trồng; công tác triển khai còn chậm;..., những tồn tại, hạn chế này là do những nguyên nhân chính như sau:

1. Nguyên nhân khách quan.

- Diện tích quy hoạch trồng cây xanh thuộc Dự án hồ thủy lợi Phước Hòa, chưa giải phóng được mặt bằng để đầu tư thực hiện các hạng mục tiếp theo, trong đó có hạng mục trồng 10.000 cây xanh.

- Kế hoạch, chỉ tiêu trồng 198 ha tại Khu di tích lịch sử Văn hóa Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết. Tuy nhiên, do điều chỉnh vị trí nên diện tích thực trồng chỉ được 107,05 ha.

- Đối với diện tích 49 ha tại khu vực lòng hồ Phước Hòa, do thay đổi nguồn vốn đầu tư trồng rừng, nên năm 2021 chưa thực hiện được.

- Do thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nên thời gian trồng cây phải kéo dài thêm, thậm chí còn số lượng cây khá lớn chưa trồng được do hết mùa vụ trồng cây.

2. Nguyên nhân chủ quan.

- Chưa kịp thời đôn đốc hướng dẫn người dân chăm sóc cây trước khi trồng dẫn đến tỷ lệ cây bị chết khá nhiều.

- Chưa kịp thời tham mưu đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn kịp thời cho hạng mục trồng rừng tập trung ở khu vực lòng hồ Phước Hòa (trách nhiệm này thuộc về Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Hạng mục trồng rừng tập trung còn chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra (trách nhiệm này thuộc về đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư - Chi cục Kiểm lâm, chưa thực sự chủ động trong việc thiết lập các hồ sơ cần thiết).

Phần II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2022-2025

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “trồng một tỷ cây xanh” của Thủ tướng Chính phủ, đưa Kế hoạch trồng cây xanh hàng năm trở thành phong trào thi đua của các cấp, các ngành và các tổ chức đoàn thể trong từng khu dân cư nông thôn, khu đô thị, khuôn viên trường học, khu công nghiệp, công sở,... với sự tham gia, đóng góp tích cực của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

- Giao chỉ tiêu thực hiện Kế hoạch cụ thể đến từng huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ngành và Công ty Cao su trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở để tổ chức thực hiện, phân đấu hoàn thành các nội dung của Đề án “trồng một tỷ cây xanh” của Thủ tướng Chính phủ. Kế hoạch của tỉnh yêu cầu việc triển khai thực hiện phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức, tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp Nhân dân tham gia đóng góp công sức, kinh phí thực hiện trồng cây xanh.

- Tuyên truyền rộng rãi đến mọi tầng lớp Nhân dân hiểu, thay đổi suy nghĩ và hành động trong việc bảo vệ môi trường, về công tác trồng rừng, bảo vệ rừng và trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị, cây xanh cảnh quan, nhằm từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống nói chung.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào trồng cây xanh; đồng thời, nhân rộng các mô hình về xã hội hóa phát triển cây xanh đạt hiệu quả của Kế hoạch này.

II. NHIỆM VỤ

Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm hoàn thành trồng, chăm sóc và bảo vệ thành công khoảng gần 1 triệu cây xanh các loại, gồm: trồng cây xanh phân tán khoảng 750.000 - 850.000 cây/năm; trồng cây xanh tập trung chủ yếu trồng rừng tại các vị trí, diện tích phù hợp, trong đó:

1. Trồng cây xanh phân tán, (khu vực đô thị và nông thôn).

a) Yêu cầu về loài cây trồng.

- Chọn loài cây trồng phù hợp với mục đích, cảnh quan và điều kiện sinh thái, tập quán canh tác của người dân mỗi địa phương theo khu vực cụ thể; ưu tiên trồng cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích, có giá trị bảo vệ môi trường, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương.

- Quy cách cây:



+ Quy cách 1: Cây cao từ 0,5 m - 1,0 m; đường kính gốc từ 0,5 cm - 1,0 cm; riêng cây keo có quy cách cao từ 0,3 m - 0,5 m.

+ Quy cách 2: Cây cao từ 1,4 m - 2,0 m; đường kính gốc từ 1,4 cm - 2,0 cm.

b) Địa điểm trồng.

- Tại khu vực đô thị: Trồng trên vỉa hè đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác.

- Tại khu vực nông thôn: Trồng trên đất hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác; kết hợp phòng hộ trong khu canh tác nông nghiệp và các mảnh đất nhỏ phân tán; các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, đất bị suy thoái, sa mạc hóa, bãi thải khai thác khoáng sản và đất chưa sử dụng khác.

2. Trồng cây xanh tập trung (bao gồm trồng rừng phòng hộ, đặc dụng; trồng mới rừng sản xuất):

a) Yêu cầu về loài cây trồng

- Trồng trên đất quy hoạch rừng đặc dụng: Trồng các loài cây bản địa có phân bố tự nhiên trong hệ sinh thái của rừng đặc dụng đó.

- Trồng trên đất quy hoạch rừng phòng hộ: Trồng các loài cây có bộ rễ sâu, bám chắc, ưu tiên cây bản địa, sinh trưởng được trong điều kiện khắc nghiệt và có khả năng chống chịu tốt.

- Trồng trên đất quy hoạch rừng sản xuất: Trồng các loài cây có năng suất, chất lượng cao, khuyến khích sử dụng các giống cây sản xuất bằng mô, hom, kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn dài ngày.

- Quy cách cây: Cây cao từ 0,5 m - 1,0 m; đường kính gốc từ 0,5 cm - 1,0 cm; riêng cây keo có quy cách cao từ 0,3 m - 0,5 m.

b) Địa điểm trồng.

- Đất quy hoạch rừng đặc dụng: Diện tích đất chưa có rừng, chưa đủ tiêu chí thành rừng trong phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ, hành chính của rừng đặc dụng là Vườn quốc gia Bù Gia Mập, Khu di tích lịch sử văn hóa Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết và Khu di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh núi Bà Rá.

- Đất quy hoạch rừng phòng hộ: Diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ; trong đó, đặc biệt ưu tiên trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Đất quy hoạch rừng sản xuất: Diện tích đất được quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.

Giai đoạn 2022 - 2025: Mỗi năm trồng khoảng gần 1 triệu cây xanh các loại với tổng kinh phí dự trù thực hiện trung bình 24 tỷ/năm; được phân bổ cho UBND cấp huyện, các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, trong đó:

- Trồng cây xanh phân tán: Khoảng 750.000 - 850.000 cây/năm.

- Các vị trí trồng cây xanh tập trung: Cơ bản giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh tập trung trồng rừng tại các vị trí, diện tích phù hợp chưa có rừng như: Bãi bồi, các diện tích bán ngập, các diện tích đất dốc, đất ít màu,...

(Chi tiết theo Biểu số 01, 02 kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP.

1. Rà soát quỹ đất trồng cây xanh đô thị, cây xanh nông thôn, các vị trí diện tích trồng cây xanh tập trung.

a) Các huyện, thị xã, thành phố: Tự tổ chức rà soát, xác định quỹ đất để trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và trồng mới rừng sản xuất; trồng cây xanh phân tán (khu vực đô thị và nông thôn); xây dựng Kế hoạch trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hàng năm và cả giai đoạn 2022 - 2025.

b) Đảm bảo thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định về việc giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng hoặc hoàn thiện hồ sơ giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện; đảm bảo diện tích đất thuộc các đối tượng trồng cây xanh phải có chủ quản lý cụ thể, rõ ràng:

- Đối với cây xanh đô thị: Quản lý theo quy định của pháp luật về cây xanh đô thị.

- Đối với cây trồng trên diện tích đất của các tổ chức và hộ gia đình: Các tổ chức và hộ gia đình có trách nhiệm quản lý, chăm sóc, bảo vệ và hưởng thành quả theo chu kỳ khai thác sản phẩm của từng loài cây.

- Đối với cây được trồng trên diện tích đất công, các công trình công cộng (đường xá, bờ kênh, mương thủy lợi,...): Chính quyền địa phương xem xét giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hiệp hội, đoàn thể quản chúng trong thực hiện chăm sóc, quản lý bảo vệ cây trồng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế.

2. Về cung cấp cây giống.

Tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực để cung cấp nguồn cây giống thực hiện trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh.

- Loài cây trồng trong đô thị theo Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh.

- Loài cây trồng tập trung và trồng cây phân tán vùng nông thôn: Theo Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Về kỹ thuật.

a) Đối với cây xanh để trồng tập trung.



- Trồng trên đất quy hoạch rừng phòng hộ: Đối với đất quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng tín ngưỡng của cộng đồng dân cư: Trồng ở những vị trí, diện tích đất trống, diện tích bãi bồi, các diện tích bán ngập, các diện tích đất dốc, đất ít màu... trồng các loài cây phù hợp với thực tế từng vị trí cụ thể, khuyến khích trồng xen kẽ các loài cây, cây đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ.

- Trồng trên đất quy hoạch rừng đặc dụng: Áp dụng các biện pháp kết hợp tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung để làm giàu rừng, trồng loài cây bản địa trên diện tích đất chưa có rừng, chưa đủ tiêu chí thành rừng trong phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ, hành chính của các khu rừng đặc dụng.

- Trồng trên đất quy hoạch rừng sản xuất: Xây dựng, hình thành vùng trồng xanh, trồng rừng tập trung, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất cây trồng, cung cấp nguyên liệu cho ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến lâm sản. Khuyến khích sử dụng các loài cây bản địa; trồng rừng hỗn loài, kết hợp trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh và cây gỗ lớn theo chu kỳ cây theo từng vị trí, diện tích có điều kiện thích hợp.

b) Đối với cây xanh trồng phân tán.

- Các khu vực đô thị: Tổ chức trồng, chăm sóc cây theo quy trình trồng cây xanh đô thị và áp dụng các biện pháp trồng nhiều loài cây khác nhau để cây đạt tỷ lệ sống cao, sinh trưởng, phát triển tốt, sớm phát huy tác dụng cảnh quan. Thực hiện thiết kế, trồng cây xanh theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9257:2012.

- Các khu vực nông thôn: Lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa, tập quán canh tác; tổ chức trồng, chăm sóc cây trồng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể của từng loài cây.

4. Huy động nguồn lực.

Tăng cường huy động mọi nguồn lực xã hội, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn triển khai để trồng và bảo vệ cây xanh, trong đó:

- Tăng cường huy động vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia trồng rừng, trồng cây xanh thông qua các dự án tài trợ hoặc sáng kiến thành lập quỹ trồng cây xanh của các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, tập đoàn kinh tế,... sử dụng để mua vật tư, cây giống hỗ trợ cho các phong trào, dự án trồng cây phân tán.

- Kết hợp thực hiện lồng ghép các chương trình đầu tư công của Nhà nước như: Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2022 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025; Các Dự án phát triển hạ tầng đô thị, xây dựng khu công nghiệp, công sở, làm đường giao thông có hạng mục trồng cây xanh được các Sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Huy động nguồn lực về lao động, sự tình nguyện tham gia của các tổ chức, đoàn thể, quần chúng, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh.

5. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao năng lực, nhận thức.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, tác dụng của rừng và cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp giá trị kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “**Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ**”, nâng chỉ tiêu trồng cây phân tán hàng năm cao gấp 1,5 - 2 lần so với bình quân giai đoạn 2016 - 2020.

- Phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, chủ rừng và toàn xã hội trong việc bảo vệ và phát triển rừng, trồng cây xanh.

- Tiếp tục xây dựng các tài liệu tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng phòng hộ và trồng, chăm sóc cây xanh đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Phát động phong trào thi đua để kêu gọi, vận động toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội. Đưa nhiệm vụ trồng cây trở thành phong trào thi đua của các cấp, các ngành và mọi người dân.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.

Kinh phí thực hiện trồng cây xanh từ các nguồn: (1) Ngân sách Nhà nước cho hỗ trợ cây giống, công tác triển khai, hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả, báo cáo đề xuất nêu có; (2) Tăng cường huy động nguồn vốn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng như: Công trồng, chăm sóc, bảo vệ và kinh phí khác.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 là hơn 94 tỷ đồng, tập trung chủ yếu từ nguồn ngân sách tỉnh. *(Chi tiết theo các Biểu số 02, 03, 04 kèm theo).*

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Căn cứ chỉ tiêu phân bổ theo Kế hoạch này, hàng năm các địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó:

+ Duy trì, phát triển phong trào “**Lễ trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ**”.

+ Phát động thi đua, giao chỉ tiêu Kế hoạch trồng cây cho UBND các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị và từng khu dân cư trên địa bàn. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng.

+ Phát huy tối đa các nguồn lực của địa phương để thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu Kế hoạch được giao hàng năm.

+ Tổ chức rà soát quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất; qua đó xác định quỹ đất trồng cây xanh hàng năm.



- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước; theo đó, UBND cấp huyện căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh chỉ đạo các Tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền vận động Nhân dân tự trồng rừng, chăm sóc và hưởng lợi.

- Bố trí kinh phí và tổ chức đấu thầu mua cây giống hàng năm trên địa bàn huyện, đảm bảo đúng quy định, đủ số lượng, chất lượng với từng loài cây và tiêu chuẩn cây trồng để thực hiện công tác trồng cây xanh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Tăng cường huy động các nguồn vốn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

- Các vị trí trồng cây không bố trí kinh phí vào Kế hoạch hàng năm gồm: (1) Địa điểm trồng cây xanh là vườn nhà dân không đưa vào Kế hoạch mà giao và chỉ đạo các Tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động Nhân dân tự trồng, chăm sóc và hưởng lợi; (2) Địa điểm trồng cây xanh là công trình, dự án, khu dân cư,... đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội đã được bố trí vốn có hạng mục trồng cây xanh.

- Tổ chức kiểm tra, chỉ đạo, giám sát, phân công trách nhiệm cho các tổ chức, đoàn thể trong quá trình trồng, chăm sóc, bảo vệ, quản lý rừng và cây xanh.

- Hàng năm, tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, biểu dương khen thưởng, nhân rộng điển hình những tổ chức, cá nhân làm tốt; xử lý nghiêm các hành vi phá hoại rừng, cây xanh. Tổng hợp, báo cáo kết quả trồng cây xanh hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025 về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

2. Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm).

- Căn cứ chỉ tiêu trồng cây xanh được giao tại Kế hoạch này. Hàng năm, chủ trì, phối hợp xây dựng Kế hoạch trồng cây xanh cho các Sở, ngành, đơn vị liên quan của tỉnh, các đơn vị chủ rừng, các Công ty Cao su Trung ương và địa phương trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan; hàng năm, tham mưu UBND tỉnh duy trì và tổ chức thực hiện phong trào "Lễ trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ".

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc thực hiện trồng cây xanh theo các nội dung của Kế hoạch này.

- Hàng năm, chủ động phối hợp với Sở Tài chính thống nhất để được bố trí kinh phí thực hiện đối với hạng mục mua cây giống theo chỉ tiêu phân bổ cho các Sở, ngành, đơn vị liên quan của tỉnh, các đơn vị chủ rừng, các Công ty Cao su Trung ương.

- Hướng dẫn UBND cấp huyện, các đơn vị được giao chỉ tiêu trồng cây xanh thực hiện các nội dung về công tác trồng cây xanh theo đúng quy định.

- Đầu mỗi tổng hợp kết quả thực hiện công tác trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và tham mưu UBND báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy theo quy định.

- Thực hiện quản lý cây xanh trồng tập trung trên đất quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

3. Sở Xây dựng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các địa phương thực hiện tốt việc quản lý và phát triển cây xanh đô thị theo quy định tại Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị và Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Phối hợp với Sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát công tác trồng và quản lý cây xanh đô thị hàng năm và giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức thẩm định Kế hoạch phát triển cây xanh đô thị hàng năm và giai đoạn 2022 - 2025 của các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất phù hợp cho phát triển rừng và trồng cây xanh, đặc biệt là khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; dành quỹ đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích cho phát triển cây xanh, bảo đảm các tiêu chuẩn diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng theo quy định.

5. Sở Giao thông vận tải: Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các dự án phát triển giao thông đường bộ gắn với trồng và phát triển cây xanh; bảo đảm hệ thống đường giao thông ngoài đô thị được trồng cây xanh ở những nơi có đủ điều kiện, tạo cảnh quan, bóng mát theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành và bảo đảm an toàn giao thông.

6. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh: Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thiết kế, thi công việc trồng cây xanh thuộc chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt giao làm chủ đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Tỉnh đoàn và các Công ty Cao su:

- Xây dựng Kế hoạch trồng cây xanh hàng năm gắn với triển khai thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ của đơn vị và chủ động tổ chức thực hiện theo quy định.

- Khuyến khích, vận động, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, đoàn thể trong đơn vị phân đấu hoàn thành chỉ tiêu trồng cây xanh phân tán năm 2021 và giai đoạn 2022 - 2025 theo chỉ tiêu của UBND tỉnh đã giao. Tranh thủ thời vụ và thời tiết thuận lợi để trồng, đảm bảo đạt tỷ lệ cây sống cao. Sau khi trồng thực hiện chăm sóc, bảo vệ rừng, cây xanh trồng phân tán, chú ý phòng trừ sâu bệnh hại đối với cây trồng, phân công trách nhiệm quản lý cụ thể để cây trồng, rừng trồng



phát triển tốt. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng và nhân rộng điển hình những tổ chức, cá nhân làm tốt.

- Tổng hợp, báo cáo các nội dung liên quan đến công tác trồng cây xanh gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

8. Các đơn vị chủ rừng.

- Rà soát, xác định quỹ đất quy hoạch cho từng loại rừng để thực hiện trồng rừng.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định đúng vị trí, ranh giới, diện tích phù hợp với quy hoạch của từng loại rừng để thực hiện trồng rừng.

- Thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy để rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

- Tổng hợp, báo cáo về các nội dung liên quan đến công tác trồng cây xanh, trồng rừng gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo.

9. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp, thống nhất với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu bố trí kinh phí thực hiện đối với hạng mục mua cây giống theo chỉ tiêu phân bổ cho các Sở, ngành, đơn vị liên quan của tỉnh, các đơn vị chủ rừng, các Công ty Cao su Trung ương.

- Có trách nhiệm hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố về kinh phí thực hiện của các địa phương cho công tác trồng cây xanh theo chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch này.

10. Sở Thông tin và Truyền thông.

- Có trách nhiệm chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, tác dụng của rừng và cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp giá trị kinh tế - xã hội.

- Thẩm định, cấp phép xuất bản tài liệu tuyên truyền về các nội dung liên quan đến nội dung triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh của các cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí xuất bản liên quan đến thông tin tuyên truyền triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

11. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước: Phối hợp với các ngành, các cấp liên quan đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh đến các tổ chức và người dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; góp phần duy trì và phát triển phong trào trồng cây xanh tạo thành một nét đẹp truyền thống.

12. Các sở, ngành khác có liên quan: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng thực hiện tốt công tác trồng cây xanh của tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh: Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng.

14. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, hiệp hội.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động thành viên tổ chức tham gia trồng cây, trồng rừng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây xanh.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng về mục đích, ý nghĩa của việc trồng và bảo vệ rừng; trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh; động viên, khuyến khích, kêu gọi toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Triển khai các hoạt động tình nguyện tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh.

Yêu cầu các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị cá nhân có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Công an tỉnh;
- BCH Bộ đội Biên Phòng BP;
- Sở Tài chính;
- BCH Quân sự tỉnh;
- Các Sở, ban ngành của tỉnh;
- Các Công ty Cao su;
- Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Vườn quốc gia Bù Gia Mập;
- Chi cục Kiểm lâm;
- LĐVP, các phòng: KT;
- Lưu: VT (Th kh 01-022).



Trần Tuệ Hiền



BIỂU SỐ 01: PHÂN BỐ CÂY GIỐNG TRỒNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số: 09 /KH-UBND ngày 13 / 01 /2021 của UBND tỉnh)

Số TT	Đơn vị trồng	Tổng (cây)	2022	2023	2024	2025	Ghi chú
Tổng số cây xanh trồng phân tán		3.182.977	804.837	779.824	787.055	811.261	
I	Giao UBND cấp huyện	1.781.977	455.837	430.824	438.055	457.261	
1	Thị xã Phước Long	80.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
2	Thị xã Bình Long	80.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
3	Huyện Chơn Thành	80.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
4	Huyện Hớn Quản	125.000	25.000	30.000	30.000	40.000	
5	Huyện Bù Đốp	175.500	35.500	37.500	47.500	55.000	
6	Huyện Đồng Phú	310.000	70.000	80.000	80.000	80.000	
7	Huyện Phú Riềng	45.357	12.537	11.004	10.805	11.011	
8	TP. Đồng Xoài	32.000	8.000	8.000	8.000	8.000	
9	Huyện Bù Đăng	363.080	123.080	80.000	80.000	80.000	
10	Huyện Lộc Ninh	166.040	41.720	44.320	41.750	38.250	
11	Huyện Bù Gia Mập	325.000	80.000	80.000	80.000	85.000	
II	Giao Sở NN&PTNT phân bổ	1.397.000	348.000	348.000	348.000	353.000	
12	Tinh đoàn	160.000	35.000	40.000	40.000	45.000	
13	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	440.000	110.000	110.000	110.000	110.000	
14	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	400.000	100.000	100.000	100.000	100.000	
15	Công ty Cao su Phú Riềng	35.000	11.000	8.000	8.000	8.000	
16	Công ty Cao su Đồng Phú	32.000	8.000	8.000	8.000	8.000	
17	Công ty Cao su Bình Long	34.000	10.000	8.000	8.000	8.000	
18	Công ty Cao su Lộc Ninh	32.000	8.000	8.000	8.000	8.000	
19	Công ty Cao su Sông Bé	32.000	8.000	8.000	8.000	8.000	
20	Công ty Cao su Bình Phước	32.000	8.000	8.000	8.000	8.000	
21	Dự trù các đơn vị đăng ký bổ sung hàng năm (nếu có)	200.000	50.000	50.000	50.000	50.000	
III	Cây 19/5 cấp tỉnh	4.000	1.000	1.000	1.000	1.000	

Lưu ý: Số liệu phân bổ theo bảng chỉ là số lượng tối thiểu. UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động cân đối các nguồn lực, lồng ghép thực hiện các dự án, phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể để vận động các tổ chức, người dân tích cực tham gia trồng cây xanh, phấn đấu tăng chỉ tiêu trồng cây xanh hàng năm tại địa phương.

BIỂU SỐ 02: DỰ TRÙ VỐN THỰC HIỆN TRỒNG CÂY XANH PHÂN TÁN GIAI ĐOẠN 2022-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Kèm theo Kế hoạch số: 09 /KH-UBND ngày 13 /01 /2021 của UBND tỉnh

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng vốn (đồng)	Đơn giá (đồng)	Số lượng cây năm 2022 (Cây)	Thành tiền năm 2022 (đồng)	Số lượng cây năm 2023 (Cây)	Thành tiền năm 2023 (đồng)	Số lượng cây năm 2024 (Cây)	Thành tiền năm 2024 (đồng)	Số lượng cây năm 2025 (Cây)	Thành tiền năm 2025 (đồng)
I	Trồng cây phân tán	Cây	91.792.960.875		803.837	23.210.793.375	778.824	22.488.543.000	786.055	22.697.338.125	810.261	23.396.286.375
1	Giống cây 01 năm tuổi	Cây	35.763.491.250	15.000	602.878	9.043.166.250	584.118	8.761.770.000	589.541	8.843.118.750	607.696	9.115.436.250
2	Giống cây 02 năm tuổi	Cây	47.684.655.000	60.000	200.959	12.057.555.000	194.706	11.682.360.000	196.514	11.790.825.000	202.565	12.153.915.000
3	Chi phí khác	Cây	8.344.814.625	10% chi phí cây giống		2.110.072.125		2.044.413.000		2.063.394.375		2.126.935.125
II	Cây 19.5 cấp tỉnh		3.200.000.000		1.000	800.000.000	1.000	800.000.000	1.000	800.000.000	1.000	800.000.000
1	Mua cây giống trồng lễ cấp tỉnh	Cây	1.600.000.000	400.000	1.000	400.000.000	1.000	400.000.000	1.000	400.000.000	1.000	400.000.000
2	Chi phí tổ chức Lễ	Đợt	1.600.000.000	400.000.000		400.000.000		400.000.000		400.000.000		400.000.000
Tổng (I+II)			94.992.960.875		804.837	24.010.793.375	779.824	23.288.543.000	787.055	23.497.338.125	811.261	24.196.286.375

Ghi chú: Giá cây giống trên đây là giá tạm tính. Giá cây cụ thể trong quá trình thực hiện sẽ do cơ quan Tài chính các cấp thẩm định theo giá thị trường từng thời điểm trình cấp thẩm quyền phê duyệt



BIỂU SỐ 03: PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ

(Kèm theo Kế hoạch số: 09 /KH-UBND ngày 13 / 01 /2021 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số tiền 2022-2025	Đơn giá	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
					Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền
I	Phân bổ trồng cây xanh phân tán		91.792.960.875		803.837	23.210.793.375	778.824	22.488.543.000	786.055	22.697.338.125	810.261	23.396.286.375
A	Giao cho Sở Nông nghiệp phân bổ		40.338.375.000		348.000	10.048.500.000	348.000	10.048.500.000	348.000	10.048.500.000	353.000	10.192.875.000
1	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	15.716.250.000	15.000	261.000	3.915.000.000	261.000	3.915.000.000	261.000	3.915.000.000	264.750	3.971.250.000
2	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	20.955.000.000	60.000	87.000	5.220.000.000	87.000	5.220.000.000	87.000	5.220.000.000	88.250	5.295.000.000
3	Chi phí khác		10% chi phí giống			913.500.000		913.500.000		913.500.000		926.625.000
B	Bổ trí cho cấp huyện	Cây	51.454.585.875		455.837	13.162.293.375	430.824	12.440.043.000	438.055	12.648.838.125	457.261	13.203.411.375
1	Thị xã Phước Long		2.310.000.000		20.000	577.500.000	20.000	577.500.000	20.000	577.500.000	20.000	577.500.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	900.000.000	15.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	1.200.000.000	60.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				52.500.000		52.500.000		52.500.000		52.500.000
2	Thị xã Bình Long		2.310.000.000		20.000	577.500.000	20.000	577.500.000	20.000	577.500.000	20.000	577.500.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	900.000.000	15.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	1.200.000.000	60.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				52.500.000		52.500.000		52.500.000		52.500.000
3	Huyện Chơn Thành		2.310.000.000		20.000	577.500.000	20.000	577.500.000	20.000	577.500.000	20.000	577.500.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	900.000.000	15.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000	15.000	225.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	1.200.000.000	60.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000	5.000	300.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				52.500.000		52.500.000		52.500.000		52.500.000
4	Huyện Hớn Quản		3.609.375.000		25.000	721.875.000	30.000	866.250.000	30.000	866.250.000	40.000	1.155.000.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	1.406.250.000	15.000	18.750	281.250.000	22.500	337.500.000	22.500	337.500.000	30.000	450.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	1.875.000.000	60.000	6.250	375.000.000	7.500	450.000.000	7.500	450.000.000	10.000	600.000.000
	Chi phí khác	10% chi				65.625.000		78.750.000		78.750.000		105.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số tiền 2022-2025	Đơn giá	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
					Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền
		phí cây giống										
5	Huyện Bù Đốp		5.067.562.500		35.500	1.025.062.500	37.500	1.082.812.500	47.500	1.371.562.500	55.000	1.588.125.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	1.974.375.000	15.000	26.625	399.375.000	28.125	421.875.000	35.625	534.375.000	41.250	618.750.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	2.632.500.000	60.000	8.875	532.500.000	9.375	562.500.000	11.875	712.500.000	13.750	825.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				93.187.500		98.437.500		124.687.500		144.375.000
6	Huyện Đồng Phú		8.951.250.000		70.000	2.021.250.000	80.000	2.310.000.000	80.000	2.310.000.000	80.000	2.310.000.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	3.487.500.000	15.000	52.500	787.500.000	60.000	900.000.000	60.000	900.000.000	60.000	900.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	4.650.000.000	60.000	17.500	1.050.000.000	20.000	1.200.000.000	20.000	1.200.000.000	20.000	1.200.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				183.750.000		210.000.000		210.000.000		210.000.000
7	Thành phố Đồng Xoài		924.000.000		8.000	231.000.000	8.000	231.000.000	8.000	231.000.000	8.000	231.000.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	360.000.000	15.000	6.000	90.000.000	6.000	90.000.000	6.000	90.000.000	6.000	90.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	480.000.000	60.000	2.000	120.000.000	2.000	120.000.000	2.000	120.000.000	2.000	120.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				21.000.000		21.000.000		21.000.000		21.000.000
8	Huyện Bù Đãng		10.483.935.000		123.080	3.553.935.000	80.000	2.310.000.000	80.000	2.310.000.000	80.000	2.310.000.000
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	4.084.650.000	15.000	92.310	1.384.650.000	60.000	900.000.000	60.000	900.000.000	60.000	900.000.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	5.446.200.000	60.000	30.770	1.846.200.000	20.000	1.200.000.000	20.000	1.200.000.000	20.000	1.200.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				323.085.000		210.000.000		210.000.000		210.000.000
9	Huyện Lộc Ninh		4.794.405.000		41.720	1.204.665.000	44.320	1.279.740.000	41.750	1.205.531.250	38.250	1.104.468.750
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	1.867.950.000	15.000	31.290	469.350.000	33.240	498.600.000	31.313	469.687.500	28.688	430.312.500
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	2.490.600.000	60.000	10.430	625.800.000	11.080	664.800.000	10.438	626.250.000	9.563	573.750.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				109.515.000		116.340.000		109.593.750		100.406.250
10	Huyện Bù Gia Mập		9.384.375.000		80.000	2.310.000.000	80.000	2.310.000.000	80.000	2.310.000.000	85.000	2.454.375.000



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số tiền 2022-2025	Đơn giá	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
					Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền	Số lượng cây/ha	Thành tiền
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	3.656.250.000	15.000	60.000	900.000.000	60.000	900.000.000	60.000	900.000.000	63.750	956.250.000
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	4.875.000.000	60.000	20.000	1.200.000.000	20.000	1.200.000.000	20.000	1.200.000.000	21.250	1.275.000.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				210.000.000		210.000.000		210.000.000		223.125.000
I	Huyện Phú Riềng		1.309.683.375		12.537	362.005.875	11.004	317.740.500	10.805	311.994.375	11.011	317.942.625
	SX cây giống cây 01 năm tuổi	Cây	510.266.250	15.000	9.403	141.041.250	8.253	123.795.000	8.104	121.556.250	8.258	123.873.750
	SX cây giống cây 02 năm tuổi	Cây	680.355.000	60.000	3.134	188.055.000	2.751	165.060.000	2.701	162.075.000	2.753	165.165.000
	Chi phí khác	10% chi phí cây giống				32.909.625		28.885.500		28.363.125		28.903.875
II	Bố trí cây 19.5		3.200.000.000		1.000	800.000.000	1.000	800.000.000	1.000	800.000.000	1.000	800.000.000
1	Mua cây giống trồng lễ cấp tỉnh	Cây	1.600.000.000	400.000	1.000	400.000.000	1.000	400.000.000	1.000	400.000.000	1.000	400.000.000
2	Chi phí tổ chức Lễ	Đợt	1.600.000.000	400.000.000		400.000.000		400.000.000		400.000.000		400.000.000
Tổng I+II			94.992.960.875		804.837	24.010.793.375	779.824	23.288.543.000	787.055	23.497.338.125	811.261	24.196.286.375

BIỂU SỐ 04: NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN TRỒNG CÂY XANH PHÂN TÁN GIAI ĐOẠN 2022-2025*Kèm theo Kế hoạch số: 09 /KH-UBND ngày 13 / 01 /2021 của UBND tỉnh)*

Nguồn kinh phí thực hiện (đồng)	Tổng vốn (đồng)	Kinh phí năm 2022 (đồng)	Kinh phí năm 2023 (đồng)	Kinh phí năm 2024 (đồng)	Kinh phí năm 2025 (đồng)
Ngân sách tỉnh (Vốn sự nghiệp)	94.992.960.875	24.010.793.375	23.288.543.000	23.497.338.125	24.196.286.375